



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Thành viên hãng AGN International / Member Firm of AGN International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Cường	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2014)
Ông Thái Phong Nhã	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2014)
Ông Phan Bằng Việt	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2014)
Ông Lê Thái Hưng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2014)
Ông Lê Bất Hùng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2014)
Ông Tăng Văn Chúc	Ủy viên
Ông Bùi Lê Quang	Ủy viên
Ông Đoàn Kim Đồng	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2014)
Ông Nguyễn Xuân Nghiêm	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2014)
Ông Ngô Thành Phước	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 06 năm 2014)
Bà Đặng Thị Tươi	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Kim Đồng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2014)
Ông Lê Thái Hưng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2014)
Ông Lê Bất Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nghiêm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 21 tháng 08 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 04 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 129.04/2015/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 04 năm 2015, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty đang ghi nhận một phần chi phí lãi vay phát sinh trước năm 2014 với số tiền là 18.625.803.514 đồng vào khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” (mã số 261) trên Bảng Cân đối kế toán thay vì ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Nếu Công ty ghi nhận khoản chi phí lãi vay trên vào chi phí trong năm 2014 thì trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ tăng là 18.625.803.514 đồng, và chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” sẽ giảm đi tương ứng.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

- Công ty đang ghi nhận nguyên giá của tổ hợp thủy điện Bản Cốc với số tiền là 379.526.780.230 đồng vào khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” (mã số 222) trên Bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, theo hồ sơ quyết toán, giá trị tổ hợp tài sản của Thủy điện Bản Cốc là 408.146.610.270 đồng. Việc ghi nhận như vậy là không tuân thủ Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ giá trị tổ hợp tài sản cố định của Thủy điện Bản Cốc thì khoản mục “Nguyên giá tài sản cố định” và “Nợ phải trả nhà cung cấp” trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng lên tương ứng số tiền là 28.619.830.040 đồng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc ghi nhận giá trị tổ hợp tài sản cố định của Thủy điện Bản Cốc cũng như những ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty.
- Công ty ghi nhận giá trị xi măng xuất dùng cho công trình Thủy điện Sao Va từ năm 2009 với số tiền là 308.517.215 đồng vào khoản mục “Tài sản ngắn hạn khác” (mã số 158) trên Bảng cân đối kế toán mà không có biên bản giao nhận cũng như không xác nhận được đối tượng. Chúng tôi không đưa ra ý kiến về việc ghi nhận giá trị tài sản thiếu chờ xử lý nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Quê Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2 của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2015

Nguyễn Huy Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		36.376.495.092	38.058.974.669
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.449.022.905	2.864.851.740
1. Tiền	111	V.1	2.449.022.905	2.864.851.740
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.087.721.347	33.583.768.640
1. Phải thu khách hàng	131		15.162.620.023	14.336.347.688
2. Trả trước cho người bán	132		16.453.146.990	18.928.690.453
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	471.954.334	318.730.499
III. Hàng tồn kho	140		614.207.086	600.000.000
1. Hàng tồn kho	141	V.3	614.207.086	600.000.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.225.543.754	1.010.354.289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		435.991.428	276.815.138
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		184.075.158	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4	37.092.285	32.710.285
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	568.384.883	700.828.866
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		355.941.232.766	394.888.327.355
I. Tài sản cố định	220		332.337.162.884	374.507.817.619
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	286.540.117.559	331.686.550.479
- Nguyên giá	222		384.642.757.648	414.157.014.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.102.640.089)	(82.470.463.535)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	82.417.808	99.917.808
- Nguyên giá	228		278.000.000	278.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(195.582.192)	(178.082.192)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	45.714.627.517	42.721.349.332
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.055.626.497	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	3.385.343.249	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(329.716.752)	-
II. Tài sản dài hạn khác	260		20.548.443.385	20.380.509.736
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	20.455.234.073	20.345.555.736
2. Tài sản dài hạn khác	268		93.209.312	34.954.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		392.317.727.858	432.947.302.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		257.438.851.337	295.146.492.716
I. Nợ ngắn hạn	310		218.188.851.337	168.347.492.716
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	66.735.000.000	33.053.209.741
2. Phải trả người bán	312		61.636.189.271	48.669.897.991
3. Người mua trả tiền trước	313		343.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	1.736.377.919	1.084.083.792
5. Phải trả người lao động	315		1.164.138.978	683.837.976
6. Chi phí phải trả	316	V.13	80.827.688.948	79.493.512.481
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	5.746.456.221	5.362.950.735
II. Nợ dài hạn	330		39.250.000.000	126.799.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	39.250.000.000	126.799.000.000
B. NGUỒN VỐN	400		134.878.876.521	137.800.809.308
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	134.878.876.521	137.800.809.308
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		185.831.000.000	185.831.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(51.463.653.479)	(48.541.720.692)
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		511.530.000	511.530.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		392.317.727.858	432.947.302.024



Lê Thái Hưng
 Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 04 năm 2015


 Trần Thị Thúy
 Phó phòng kế toán


 Trần Thị Thúy
 Người lập

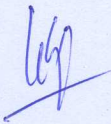
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

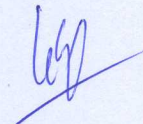
MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	52.729.568.904	56.675.071.690
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	52.729.568.904	56.675.071.690
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	40.017.299.391	41.634.368.926
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.712.269.513	15.040.702.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		36.605.835	13.969.775
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	12.612.504.112	18.859.134.817
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.179.505.788	18.725.900.389
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.814.065.712	3.712.585.536
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.677.694.476)	(7.517.047.814)
11. Thu nhập khác	31	VI.4	8.335.694.016	6.996.585.827
12. Chi phí khác	32	VI.5	6.579.932.327	4.954.796.133
13. Lợi nhuận khác	40		1.755.761.689	2.041.789.694
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.921.932.787)	(5.475.258.120)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.921.932.787)	(5.475.258.120)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(157)	(295)



Lê Thái Hưng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 06 tháng 04 năm 2015


 Trần Thị Thúy
 Phó phòng kế toán


 Trần Thị Thúy
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	64.839.015.900	73.603.966.368
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(15.488.408.995)	(12.847.887.780)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(4.687.223.500)	(5.208.237.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-	(3.327.781.905)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	295.760.339	747.663.008
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(17.178.634.879)	(15.736.369.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	27.780.508.865	37.231.353.665
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(204.437.700)	(9.951.854.387)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.200.000.000)	(300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.200.000.000	300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.100.000	13.969.775
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(181.337.700)	(9.937.884.612)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.735.000.000	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(54.750.000.000)	(27.068.790.259)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(28.015.000.000)	(27.068.790.259)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	(415.828.835)	224.678.794
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.864.851.740	2.640.172.946
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	2.449.022.905	2.864.851.740



Lê Thái Hưng
 Tổng Giám đốc
 Ngày 06 tháng 04 năm 2015

Trần Thị Thúy
 Phó phòng kế toán

Trần Thị Thúy
 Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Quế Phong là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900687702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 26 tháng 07 năm 2005 và thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 08 năm 2014.

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty lần lượt là 445.000.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi lăm tỷ đồng) và 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 68 người (31 tháng 12 năm 2013: 91 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện, chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, chi tiết: Thăm dò, khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: chi tiết: Xây dựng các công-trình đường dây và trạm biến áp đến 220 KV; và
- Sửa chữa thiết bị khác, chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện;...

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục. Như đã trình bày trên Báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tổng số công nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 181.812.356.245 đồng (bao gồm khoản vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm tới). Lỗ lũy kế của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 51.463.653.479 đồng. Các yếu tố này gây ra nghi ngờ về tính hoạt động liên tục cho Công ty. Tuy nhiên, theo kế hoạch của Hội đồng Quản trị trong năm tới sẽ thông báo cho các cổ đông hiện hữu tiếp tục góp đủ vốn điều lệ còn thiếu. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng một số khoản nợ và vay đến hạn trả sẽ được gia hạn và tình hình nợ sẽ không ảnh hưởng nhiều tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời gian tới. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là hợp lý.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Tổ hợp thủy điện Bản Cốc	10 - 25
Phương tiện vận tải	05 - 10
Tài sản khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, quyền chuyển nhượng mỏ đá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm, quyền chuyển nhượng mỏ đá được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Tiền mặt	173.749.102	1.572.949
Tiền gửi ngân hàng	2.275.273.803	2.863.278.791
Tổng	<u>2.449.022.905</u>	<u>2.864.851.740</u>

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Thuế TNCN	25.853.467	25.853.467
Phải thu khác	446.100.867	292.877.032
Tổng	<u>471.954.334</u>	<u>318.730.499</u>

3. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Nguyên vật liệu	14.207.086	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	600.000.000	600.000.000
Tổng	<u>614.207.086</u>	<u>600.000.000</u>

4. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Thuế TNDN	32.710.285	32.710.285
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.382.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.000.000	-
Tổng	<u>37.092.285</u>	<u>32.710.285</u>

5. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Tạm ứng	259.867.668	118.976.053
Tài sản thiếu chờ xử lý	308.517.215	581.852.813
Tổng	<u>568.384.883</u>	<u>700.828.866</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa	Tổ hợp thủy điện	Phương tiện	Thiết bị	Tổng
	vật kiến trúc VND	Bản Cốc VND	vận tải VND	dụng cụ quản lý VND	
Tại 31/12/2013	2.946.099.393	409.567.370.517	1.556.544.104	87.000.000	414.157.014.014
Mua trong kỳ	-	193.129.684	309.090.909	-	502.220.593
Đầu tư XDCB hoàn thành	152.689.365	16.196.074.039	-	-	16.348.763.404
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(689.709.286)	-	(689.709.286)
Góp vốn đầu tư	-	(45.675.531.077)	-	-	(45.675.531.077)
Tại 31/12/2014	3.098.788.758	380.281.043.163	1.175.925.727	87.000.000	384.642.757.648
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 31/12/2013	544.911.086	80.919.338.250	982.244.912	23.969.287	82.470.463.535
Khấu hao trong kỳ	294.609.939	23.415.366.584	185.348.969	17.400.000	23.912.725.492
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(570.385.563)	-	(570.385.563)
Góp vốn đầu tư	-	(7.710.163.375)	-	-	(7.710.163.375)
Tại 31/12/2014	839.521.025	96.624.541.459	597.208.318	41.369.287	98.102.640.089
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 31/12/2013	2.401.188.307	328.648.032.267	574.299.192	63.030.713	331.686.550.479
Tại 31/12/2014	2.259.267.733	283.656.501.704	578.717.409	45.630.713	286.540.117.559

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014:

- Tổng nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng còn giá trị sử dụng là 31.200.000 đồng.

- Tổng giá trị còn lại của TSCĐ mang cầm cố thế chấp là 283.481.104.794 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng như đã trình bày tại Thuyết minh V.15.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Quyền chuyển nhượng mô đá VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 31/12/2013	173.000.000	105.000.000	278.000.000
Tại 31/12/2014	173.000.000	105.000.000	278.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 31/12/2013	173.000.000	5.082.192	178.082.192
Khấu hao trong năm	-	17.500.000	17.500.000
Tại 31/12/2014	173.000.000	22.582.192	195.582.192
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 31/12/2013	-	99.917.808	99.917.808
Tại 31/12/2014	-	82.417.808	82.417.808

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công trình nhà máy thủy điện Nhạn Hạc	40.018.582.598	39.628.416.010
Khu điều dưỡng Cửa Lò	1.742.768.981	1.742.768.981
Trụ sở công ty	960.816.964	845.798.673
Công trình mỏ đá Pù Càng	2.992.458.974	504.365.668
Tổng	45.714.627.517	42.721.349.332

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên Công ty	31/12/2014		
	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ biểu quyết %	Giá trị đầu tư VND
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	100%	100%	3.385.343.249
Cộng giá gốc			3.385.343.249
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn			(329.716.752)
Giá trị thuần			3.055.626.497

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	Tỉnh Nghệ An	100	100	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONGThị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong
Tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	1.829.430.559	1.719.752.222
Chi phí lãi vay	18.625.803.514	18.625.803.514
Tổng	20.455.234.073	20.345.555.736

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	26.735.000.000	17.000.000.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	26.735.000.000	17.000.000.000
- Tổng công ty Xây dựng Hà Nội	-	17.000.000.000
- Công ty CP điện lực Trung Sơn (i)	4.000.000.000	-
- Ông Thái Phong Nhã (ii)	22.735.000.000	-
Nợ dài đến hạn trả	40.000.000.000	16.053.209.741
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	40.000.000.000	9.300.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quý	-	6.753.209.741
Tổng	66.735.000.000	33.053.209.741

(i) Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 246A/TĐQP-HĐVV ngày 03 tháng 11 năm 2014. Tổng số tiền vay được sử dụng với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay được tính theo lãi suất cho vay của các Ngân hàng tài trợ vốn cho dự án thủy điện Bản Cốc theo Hợp đồng tín dụng số 06.1034329.02/HĐTD ký ngày 14 tháng 11 năm 2006 tại cùng thời điểm vay tiền. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền vay, tiền lãi vay sẽ được tính hàng quý và được trả vào thời điểm cuối năm

(ii) Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 28A/TĐQP-HĐVV ngày 10 tháng 2 năm 2014, tổng số tiền vay là sử dụng mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện vay theo Giấy đề nghị vay vốn từng lần. Lãi suất cho vay được tính theo lãi suất cho vay của các Ngân hàng tài trợ vốn cho dự án thủy điện Bản Cốc theo Hợp đồng tín dụng số 06.1034329.02/HĐTD ký ngày 14 tháng 11 năm 2006 tại cùng thời điểm vay tiền. Thời hạn trả nợ gốc là khi bên cho vay có nhu cầu thu hồi vốn vay, bên vay bố trí nguồn trả nợ vay theo giấy đề nghị của bên cho vay, tiền lãi vay sẽ được tính hàng quý và được trả vào thời điểm cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONGThị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong
Tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	28.267.664	139.320.030
Thuế thu nhập cá nhân	6.605.000	-
Thuế tài nguyên	1.632.124.169	21.341.581
Tiền thuế đất	-	41.642.500
Các khoản phí và các khoản phải nộp khác (*)	69.381.086	881.779.681
Tổng	<u>1.736.377.919</u>	<u>1.084.083.792</u>

(*) Đây là số tiền phạt theo quyết định xử lý vi phạm hành chính pháp luật về thuế của Cục thuế tỉnh Nghệ An.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Lãi vay phải trả	75.204.368.852	76.839.677.776
- Lãi vay ngân hàng	74.875.003.171	72.291.830.776
- Lãi vay cá nhân	329.365.681	4.547.847.000
Chi phí phải trả khác	5.623.320.096	2.653.834.705
Tổng	<u>80.827.688.948</u>	<u>79.493.512.481</u>

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u> VND	<u>31/12/2013</u> VND
Kinh phí công đoàn	47.595.261	45.490.701
Bảo hiểm xã hội	-	80.686.422
Bảo hiểm y tế	-	13.327.641
Bảo hiểm thất nghiệp	-	5.923.240
Lãi phạt trên nợ lãi quá hạn ngân hàng	5.595.060.960	4.992.743.728
Lãi phạt chậm nộp bảo hiểm	-	120.979.003
Phải trả khác	103.800.000	103.800.000
Tổng	<u>5.746.456.221</u>	<u>5.362.950.735</u>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (i)	39.250.000.000	107.700.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quỳ	-	19.099.000.000
Cộng	<u>39.250.000.000</u>	<u>126.799.000.000</u>

(i) Số dư vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung không bao gồm khoản vay đến hạn phải trả được phân loại sang vay và nợ ngắn hạn có giá trị là 40 tỷ đồng chẵn (được nêu tại Thuyết minh V.11) theo hợp đồng tín dụng số 06.1034329.02/HĐTD ngày 14 tháng 11 năm 2006. Theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Quang Trung (với tư cách là ngân hàng đầu mối, đại lý Nhận tài sản bảo đảm và Bên cho vay), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (với tư cách là Bên cho vay), Ngân hàng INDOVINA - chi nhánh Hà Nội (với tư cách là Bên cho vay) và Công ty Tài chính Bưu điện (với tư cách là Bên cho vay) với tổng số tiền tối đa có thể rút là 220 tỷ VND. Thời hạn vay theo hợp đồng này là 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này sẽ được trả theo từng quý tương ứng với 34 kỳ liên tiếp vào các ngày thanh toán lãi và bắt đầu từ ngày thanh toán lãi của quý thứ bảy kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 25 tháng 12 năm 2016.

Công ty sử dụng khoản vay này để thanh toán một phần chi phí đầu tư dự án theo đúng kế hoạch góp vốn và sử dụng vốn đầu tư dự án. Lãi suất của các khoản vay này bằng tổng của lãi suất tham chiếu và 3,6%/năm. “Lãi suất tham chiếu” có nghĩa là, đối với mỗi kỳ hạn tính lãi, mức bình quân của lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của tất cả các Bên cho vay, được xác định vào ngày xác định lãi suất tương ứng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% của lãi suất tương ứng áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc quá hạn đó.

Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, các công trình dự án và các bất động sản của bên vay liên quan đến dự án thủy điện và bằng quyền đối với vốn góp của các cổ đông trong bên vay (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương lai) theo hợp đồng thế chấp quyền đối với vốn góp trong Công ty Cổ phần thủy điện Quế Phong.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONGThị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong
Tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Nguồn vốn đầu tư XDCB VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	185.831.000.000	511.530.000	(43.066.462.572)	143.276.067.428
Lợi nhuận trong năm	-	-	(5.475.258.120)	(5.475.258.120)
Tại ngày 01/01/2014	185.831.000.000	511.530.000	(48.541.720.692)	137.800.809.308
Lợi nhuận trong năm	-	-	(2.921.932.787)	(2.921.932.787)
Tại ngày 31/12/2014	185.831.000.000	511.530.000	(51.463.653.479)	134.878.876.521

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	40.899.020.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô II	17.000.000.000	17.000.000.000
Công ty Tài chính Bưu điện	7.560.000.000	7.560.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.500.000.000	7.500.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	-	81.837.070.000
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước & Xây dựng	-	15.900.000.000
Ông Thái Phong Nhã	29.896.730.000	-
Các cổ đông khác	82.975.250.000	56.033.930.000
Tổng	185.831.000.000	185.831.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2014 Cổ phần	31/12/2013 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.500.000	44.500.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	18.583.100	18.583.100
- Cổ phần phổ thông	18.583.100	18.583.100
Số lượng cổ phần đang lưu hành	18.583.100	18.583.100
- Cổ phần phổ thông	18.583.100	18.583.100

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONGThị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong
Tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán điện	52.456.233.306	56.558.139.927
Doanh thu bán nguyên vật liệu	273.335.598	116.931.763
Tổng	52.729.568.904	56.675.071.690

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán điện	39.743.963.793	41.517.437.163
Giá vốn bán nguyên vật liệu	273.335.598	116.931.763
Tổng	40.017.299.391	41.634.368.926

3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.179.505.788	18.725.900.389
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	329.716.752	-
Chi phí tài chính khác	103.281.572	133.234.428
Cộng	12.612.504.112	18.859.134.817

4. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ bán quyền giảm phát thải	7.961.691.460	6.618.217.731
Bảo hiểm rủi ro công trình	138.742.254	378.368.096
Thanh lý tài sản cố định	119.323.723	-
Thu nhập khác	115.936.579	-
Cộng	8.335.694.016	6.996.585.827

5. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Phạt chậm nộp tiền bảo hiểm	22.104.497	47.815.029
Phạt chậm trả lãi vay ngân hàng	628.285.977	986.917.578
Chi phí tư vấn bán quyền phát thải	4.944.424.276	1.910.562.712
Phạt theo quyết định của cơ quan thuế	457.663.185	1.614.348.082
Thanh lý tài sản cố định	119.323.723	-
Chi phí khác	408.130.669	395.152.732
Cộng	6.579.932.327	4.954.796.133

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONGThị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong
Tỉnh Nghệ An**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	(2.921.932.787)	(5.475.258.120)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	2.921.932.787	5.475.258.120
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Chuyển lỗ năm 2013	(4.651.206.436)	(6.414.307.602)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	7.573.139.223	11.889.565.722
- <i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	22.104.497	47.815.029
- <i>Phạt theo quyết định của Cơ quan thuế, cơ quan Bảo hiểm</i>	457.663.185	1.614.348.082
- <i>Chi phí lãi vay của phần vay tương ứng với vốn điều lệ chưa góp đủ</i>	7.093.371.541	10.227.402.611
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thông thường	22%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu	555.861.000	1.357.626.888
Chi phí nhân công	5.444.989.500	5.758.050.272
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.930.225.492	26.300.727.753
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.569.136.495	13.288.176.437
Chi phí bằng tiền khác	1.931.282.517	4.954.796.133
Cộng	45.431.495.004	51.659.377.483

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 và V.15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và tương đương tiền	2.449.022.905	2.864.851.740
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.634.574.357	14.655.078.187
Cộng	18.083.597.262	17.519.929.927
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	61.636.189.271	48.669.897.991
Phải trả khác	5.746.456.221	5.362.950.735
Các khoản vay	105.985.000.000	159.852.209.741
Chi phí phải trả	80.827.688.948	79.493.512.481
Cộng	254.195.334.440	293.378.570.948

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một khách hàng lớn là Tổng Công ty Điện lực Miền bắc.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 31/12/2014			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	2.449.022.905	-	2.449.022.905
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.634.574.357	-	15.634.574.357
Cộng	18.083.597.262	-	18.083.597.262
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ ngắn hạn	66.735.000.000	-	66.735.000.000
Phải trả người bán	61.636.189.271	-	61.636.189.271
Vay và nợ dài hạn	-	39.250.000.000	39.250.000.000
Chi phí phải trả	80.827.688.948	-	80.827.688.948
Phải trả khác	5.746.456.221	-	5.746.456.221
Cộng	214.945.334.440	39.250.000.000	254.195.334.440
Chênh lệch thanh khoản	(196.861.737.178)	(39.250.000.000)	(236.111.737.178)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 31/12/2013			
Tài sản tài chính			
Tiền và tương đương tiền	2.864.851.740	-	2.864.851.740
Phải thu khách hàng, trả trước người bán	14.655.078.187	-	14.655.078.187
Cộng	17.519.929.927	-	17.519.929.927
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ ngắn hạn	33.053.209.741	-	33.053.209.741
Phải trả người bán	48.669.897.991	-	48.669.897.991
Vay và nợ dài hạn	-	126.799.000.000	126.799.000.000
Phải trả khác	5.362.950.735	-	5.362.950.735
Chi phí phải trả	79.493.512.481	-	79.493.512.481
Cộng	166.579.570.948	126.799.000.000	293.378.570.948
Chênh lệch thanh khoản	(149.059.641.021)	(126.799.000.000)	(275.858.641.021)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nhận vốn góp		
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	40.899.020.000	-
Ông Thái Phong Nhã	29.896.730.000	-
Các khoản cho vay	159.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	159.000.000	-
Bán hàng		
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	1.866.825.866	-

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản phải thu	559.823.070	1.126.479.422
Công ty TNHH MTV Thủy điện Sao Va	559.823.070	896.479.422
Công ty CP Xây dựng Lũng Lô II	-	230.000.000
Các khoản phải trả	3.728.204.395	3.578.520.488
Công ty Tài chính Bưu điện	61.840.000	61.840.000
Công ty CP Xây dựng Lũng Lô II	3.666.364.395	3.436.364.395
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	80.316.093
Các khoản vay	185.235.000.000	253.598.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Trung Sơn	4.000.000.000	-
Ông Thái Phong Nhã	22.735.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	79.250.000.000	126.799.000.000
- BIDV CN Quang Trung	79.250.000.000	107.700.000.000
- BIDV CN Phú Quỳnh	-	19.099.000.000

Lương và thưởng của Ban Giám đốc

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương	548.526.000	564.620.000
Các khoản phúc lợi khác	140.547.000	72.000.000
Tổng	689.073.000	636.620.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG

Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong

Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính là số liệu tương ứng trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.



Lê Thái Hưng
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 04 năm 2015

Trần Thị Thúy
Phó phòng kế toán

Trần Thị Thúy
Người lập